TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:198/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 237/2023/HNGĐ-TLST ngày 01/6/2023, về việc " *Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1994.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu 8, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Nhật Bản

Người được chị H ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Anh **Nguyễn Văn T** sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn R, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu 8, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương.

(Chị H, anh Th đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bầy: Chị và anh Nguyễn Văn Th tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương ngày 09/10/2015. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại H, Hải

Dương. Để phát triển kinh tế, tháng 10/2016 chị đi Nhật Bản lao động, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, hai bên vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó do hai bên sống xa nhau lâu ngày, dẫn đến bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th không có con chung, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong đơn ly hôn chị H xác định hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên sau đó thông qua người đại diện theo ủy quyền, chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Chị xác định không có, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn - anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Về quan hệ vợ chồng : Anh và chị H tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương ngày 09/10/2015. Sau ngày cưới, anh chị sống cùng nhau khoảng 1 năm thì chị H đi Nhật Bản lao động. Vợ chồng hàng ngày vẫn gọi điện, liên lạc với nhau. Khi hết hạn hợp đồng lao động 3 năm, chị H về Việt Nam, anh có động viên chị H ở nhà để vợ chồng làm ăn và sinh con, nhưng chị H không đồng ý. Đến năm 2020 chị H tiếp tục đi Nhật Bản lao động lần 2, thời gian đầu hai bên vẫn liên lạc, hỏi thăm sức khỏe, nhưng sau đó chị H đã chặn số liên lạc, không còn gọi điện cho anh. Đến tháng 3/2023 anh được biết chị H có đơn xin ly hôn. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo, động viên nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn. Nay anh xác định tình cảm với chị H vẫn còn, tuy nhiên chị H không về Việt Nam để giải quyết mâu thuẫn, vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn nên anh cũng đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn.

Về con chung : Anh và chị H không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đồng ý để chị H tự nguyện chịu cả án phí ly hôn.

Do điều kiện công việc nên chị H không về Việt Nam để giải quyết ly hôn, chị ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T giao, nhận các văn bản tại Tòa án. Anh T có quan điểm đồng ý nhận ủy quyền của chị H. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ

án, anh T đã thông tin cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị H và anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh Th. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu 8, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Bị đơn anh Nguyễn Văn Th có hộ khẩu thường trú tại: Khu 8, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tài liệu chị H gửi về Tòa án bao gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đều được xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, do vậy, có căn cứ xác định nội dung các văn bản này thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị H.

Quá trình giải quyết vụ án anh Th và chị H đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương ngày 09/10/2015, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Vợ chồng có thời gian dài xa cách, thiếu sự quan tâm đến nhau. Nay chị H và anh Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn, anh Th cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Th đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2022/0000774 ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND thị trấn H;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền